

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT đối với
Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành năm 2019**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 188/TTr-BV ngày 28/3/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật Bệnh viện năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành được thực hiện bổ sung 336 kỹ thuật vào Danh mục kỹ thuật chuyên môn của Bệnh viện theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng

Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

(Kèm Danh mục)

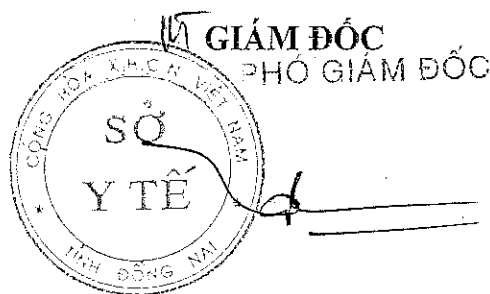
Điều 2: Yêu cầu Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, nhân sự, trang thiết bị mới được triển khai kỹ thuật. Thực hiện kỹ thuật đúng phạm vi hoạt động, đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Quản lý hành nghề - Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.



Lê Quang Trung

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC LONG THÀNH
Theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT, Thông tư số 21/2017/TT-BYT
(Ban hành kèm Quyết định số ...810../QĐ-SYT, ngày 15.1.05./2019 của Sở Y tế)

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1. Danh mục kỹ thuật trong tuyển đang tổ chức thực hiện						
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
1	156	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
2	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
3	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
4	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
5	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
6	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
7	163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
8	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
9	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
10	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
11	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
12	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
13	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
14	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
15	217	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x		
16	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
17	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x	x	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
18	221	Thụt tháo	x	x	x	x
19	222	Thụt giữ	x	x	x	x
20	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
21	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
22	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
23	226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x	
24	227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	x	x	x	
25	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
26	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
27	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x		
28	231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x		x	
29	232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
30	233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	x	x	x	
31	234	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x	x	
32	235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x	x	
33	236	Nội soi đại tràng cầm máu	x	x	x	
34	237	Nội soi đại tràng sinh thiết	x	x	x	
35	238	Đo áp lực ổ bụng	x	x	x	
36	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
37	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
38	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
39	242	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x	x	
40	243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
41	244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x	
42	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
43	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
44	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
45	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
46	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
47	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
48	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
49	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
50	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
51	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
52	259	Rửa mắt tấy đỏ	x	x	x	
53	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
54	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
55	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
56	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
II. NỘI KHOA						
57	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
58	233	Rửa bàng quang	x	x	x	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
59	254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x	x	x	
60	401	Tiêm gân gấp ngón tay	x	x		
61	402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	x	x		
62	403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	x	x		
63	404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	x	x		
64	405	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (trâm trụ)	x	x		
65	406	Tiêm gân gót	x	x		
66	407	Tiêm cân gan chân	x	x		
67	411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
68	412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
69	413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
70	414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
71	415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
72	416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
73	417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
74	418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
75	419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
76	420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
77	421	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
78	422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
79	424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
80	425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
81	426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
82	427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
83	428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
84	429	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
85	431	Xét nghiệm Mucin test	x	x	x	
III. NHI KHOA						
86	27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	x	x		
87	29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
88	31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
89	50	Chăm sóc catheter động mạch	x	x		
90	88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x	
91	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
92	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
93	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
94	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
95	271	Từ châm	x	x		
96	273	Mai hoa châm	x	x		
97	289	Hào châm	x	x	x	x
98	762	Kỹ năng điều hòa cảm giác	x	x		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
99	804	Tắm bùn khoáng	X	X	X	X
100	805	Đắp bùn khoáng	X	X	X	X
101	826	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	X	X	X	X
102	829	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	X	X	X	X
103	905	Vật lý trị liệu chỉnh hình	X	X	X	X
104	986	Nẹp khớp gối	X	X	X	X
105	987	Máng đỡ bàn tay	X	X	X	X
106	1703	Cắt chỉ khâu da	X	X	X	X
107	1955	Nhổ răng sữa	X	X	X	X
108	1956	Nhổ chân răng sữa	X	X	X	X
109	2117	Lấy dị vật tai	X	X	X	
110	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	X	X	X	
111	2149	Nhét bắc mũi sau	X	X	X	
112	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	X	X	X	
113	2264	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	X	X	X	
114	2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	X	X	X	
115	2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	X	X	X	
116	3346	Xử trí vết thương tăng sinh môn phức tạp	X	X		
117	3517	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	X	X		
118	3699	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài	X	X		
119	3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	X	X	X	
120	3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	X	X		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
121	3819	Nối gân duỗi	x	x	x	
122	3830	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x		
123	3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	x	x		
124	3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
125	3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
126	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
127	3836	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
128	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
129	3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x	
130	3841	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
131	3842	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
132	3843	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
133	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
134	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
135	3846	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
136	3847	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x	
137	3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x	
138	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x	
139	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
140	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x	
141	3852	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
142	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
143	3854	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
144	3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x	
145	3856	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x	x	
146	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	
147	3858	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x	x	
148	3859	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x	
149	3860	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	x	x	x	
150	3861	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x	x	
151	3862	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x	
152	3863	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x	
153	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
154	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
155	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
156	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x	
157	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
158	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
159	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	
160	3871	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x	x	
161	3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
162	3873	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x
163	3874	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x
164	3875	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x
165	3876	Nắn, bó bột gãy xương các loại dưới C Arm	x	x	x	x
166	3877	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	X
167	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
VII. NỘI TIẾT						
168	30	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp	x	x		
VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN						
169	12	Từ châm	x	x	x	x
170	404	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
171	405	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	x
172	415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	x	x	x	x
173	416	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
174	444	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	x	x	x	x
175	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
176	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
177	447	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
178	448	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
179	449	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	x	x	x	x
180	450	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng phân ly	x	x	x	x
181	451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x
182	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
183	483	Xoa bóp bấm huyết bằng tay	x	x	x	x
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC						

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
184	72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	X	X	X	
185	73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	X	X	X	
186	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	X	X	X	
187	212	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	X	X		
188	1349	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời	X	X		
189	1606	Gây mê phẫu thuật quặm bẩm sinh	X	X		
190	1607	Gây mê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	X	X		
191	2181	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	X	X		
192	2414	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bả vai	X	X		
193	2416	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý	X	X	X	
194	2441	Hồi sức phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	X	X		
195	2555	Hồi sức phẫu thuật mở góc tiền phòng	X	X		
196	2817	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh	X	X		
197	2818	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	X	X		
198	3768	Gây tê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	X	X		
199	3808	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	X	X	X	
200	3816	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai	X	X		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
X. NGOẠI KHOA						
201	148	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	x	x		
202	169	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	x	x		
203	172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x
204	348	Cầm niệu quản bàng quang	x	x		
205	394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
206	395	Cắt tinh mạc	x	x		
207	407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x	
208	582	Cắt hạ phân thủy 2	x	x		
209	583	Cắt hạ phân thủy 3	x	x		
210	607	Cắt lọc nhu mô gan	x	x		
211	608	Cầm máu nhu mô gan	x	x	x	
212	609	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	x	x	x	
213	610	Lấy máu tụ bao gan	x	x		
214	616	Dẫn lưu áp xe gan	x	x		
XI. BÔNG						
215	116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
216	117	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
217	118	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
XIII. PHỤ SẢN						
218	75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	x	x		
219	88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	x		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
220	129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x		
XV. TAI - MŨI - HỌNG						
221	129	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê	x	x	x	
222	216	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	x	x	x	x
223	228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
224	234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
225	235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
226	240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
227	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
228	242	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
229	243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
230	246	Nội soi khí quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
231	252	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
232	254	Nội soi phế quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x		
XVI. RĂNG - HÀM - MẶT						
233	248	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	x	x		

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
234	251	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
235	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
236	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
237	20	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	x	x	x	
238	22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x	
239	23	Điều trị bằng bùn	x	x	x	
240	24	Điều trị bằng nước khoáng	x	x	x	
241	48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x
242	58	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
243	59	Tập trong bồn bóng nhỏ	x	x	x	
244	60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x	
245	61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x	
246	62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x	
247	64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
248	68	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x
249	69	Tập với máy tập thăng bằng	x	x	x	x
250	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
251	136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	x	x	x	
252	139	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi trên	x	x	x	x
253	140	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi dưới	x	x	x	x

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
254	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực-thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x
255	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	x	x	x	x
256	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
257	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAF0	x	x	x	x
258	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
259	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
260	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
261	158	Điều trị bằng điện vi dòng	x	x	x	x
262	159	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	x	x	x	
263	160	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	x	x	x	
264	161	Điều trị chườm ngải cứu	x	x	x	x
265	167	Tập vận động cột sống	x	x	x	
266	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
267	169	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	x	x	x	x
268	170	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
269	171	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
270	172	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
271	176	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	x	x	x	
272	177	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, uốn)	x	x	x	x
273	178	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	x	x	x	x

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
274	180	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	x	x	x	
275	181	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà	x	x	x	
276	183	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch	x	x	x	x
277	184	Kỹ thuật thư giãn	x	x	x	x
278	185	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x	x	x
279	186	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ với máy Isokinetic	x	x	x	
280	187	Kỹ thuật tập đi trên thảm lăn (Treadmill) với nâng đỡ một phần trọng lượng	x	x	x	
281	188	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	x	x	x	
282	189	Kỹ thuật gương trị liệu (Mirror therapy)	x	x	x	
283	190	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	x	x	x	
284	191	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	x	x	x	x
285	192	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	x	x	x	x
286	193	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	x	x	x	x
287	194	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	x	x	x	x
288	196	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	x	x	x	
289	197	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp ở trẻ em	x	x	x	x
290	198	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	x	x	x	x
291	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	x	x	x	x
292	200	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	x	x	x	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
293	201	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	X	X	X	
294	202	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	X	X	X	
295	203	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	X	X	X	
296	204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	X	X	X	X
297	208	Nghiệm pháp đi 6 phút	X	X	X	X
298	209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili	X	X	X	X
299	210	Nghiệm pháp Tinetti	X	X	X	X
300	211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	X	X	X	X
301	212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói	X	X	X	X
302	249	Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp	X		X	
303	250	Tập do cứng khớp	X		X	
304	251	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	X		X	X
305	252	Xoa bóp áp lực hơi	X	X	X	X
XVIII. ĐIỆN QUANG						
306	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	X	X	X	X
307	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	X	X	X	
308	83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	X	X		
309	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	X	X	X	
310	126	Chụp Xquang tuyến vú	X	X		
311	134	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi	X	X		
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG						
312	101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	X	X	X	

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
313	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
314	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
XXIV. VI SINH						
315	41	Mycobacterium leprae mảnh sinh thiết	x	x		
316	244	Influenza virus A, B Real-time PCR (*)	x	x		
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI						
317	142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
318	179	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da	x	x		
319	333	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
320	335	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	x	x		
2. Danh mục kỹ thuật vượt tuyển đang tổ chức thực hiện:						
II. NỘI KHOA						
321	110	Nghiệm pháp bàn nghiêng	x			
322	408	Tiêm cạnh cột sống cổ	x			
323	409	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	x			
324	410	Tiêm cạnh cột sống ngực	x			
325	423	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
326	430	Tiêm ngoài màng cứng dưới hướng dẫn của màng huỳnh quang tăng sáng	x			
III. NHI KHOA						
327	699	Laser chiếu ngoài	x			
328	700	Laser điều trị	x			

STT	Mã TT43, 21	TÊN KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
X. NGOẠI KHOA						
329	150	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	x			
330	562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	x			
331	754	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x			
XVIII. ĐIỆN QUANG						
332	263	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
333	122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	x			
XXIII. HÓA SINH						
334	59	Định lượng FABP (Fatty Acid Binding Protein)	x			
335	70	Định lượng Galectin 3	x			
336	71	Định lượng Gastrin	x			

Tổng cộng: 336 kỹ thuật